TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2023/QĐST-KDTM	*Phúc Thọ, ngày 12 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2023/TLST- KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP TH**

Địa chỉ: Số 47 đường Tr, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Nhất Ng – Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tr – Quyền tổng giám đốc

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đỗ Thị L1 – Chuyên viên xử lý nợ

Bị đơn: **Ông Nguyễn Đức T**, sinh năm 1959

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Nguyễn Đức H**, sinh năm 1983
- **Chị Đinh Thị Nh**, sinh năm 1988
- **Cháu Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2008
- **Cháu Nguyễn Đức P**, sinh năm 2011

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H1, cháu P là anh Nguyễn Đức H, chị Đinh Thị Nh (bố mẹ đẻ)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà L, chị Nh là anh Nguyễn Đức H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TH và anh Nguyễn Đức H – người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận:

Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L có ký kết với Ngân hàng TH Hợp đồng tín dụng hạn mức PTXU.CN 01081021 ngày 08/10/2021 để vay số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*). Ông T, bà L đã nhận đủ số tiền ngân hàng giải ngân theo 02 Giấy nhận nợ, cụ thể:

+ Giấy nhận nợ số PTXU.CN.01081021/GNN03 ngày 12/4/2022 giải ngân số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

+ Giấy nhận nợ số PTXU.CN.01081021/GNN04 ngày 13/4/2022 giải ngân số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Anh Nguyễn Đức H xác định, tính đến ngày 04/5/2023, ông T và bà L còn nợ Ngân hàng TH số tiền là:

+ Gốc: 2.999.999.910đ (Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm mười đồng)

+ Lãi trong hạn: 227.716.553đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)

+ Lãi quá hạn: 81.707.438đ (Tám mươi mốt triệu bảy trăm linh bảy nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng)

+ Phạt chậm trả lãi: 12.577.062đ (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng)

Tổng: 3.322.000.963đ (Ba tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba đồng)

2.2. Hai bên thống nhất phương thức thực hiện việc trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 25/5/2023, ông T và bà L phải thanh toán cho Ngân hàng TH số tiền tối thiểu là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*);

- Chậm nhất đến ngày 25/6/2023, ông T và bà L phải tất toán toàn bộ dư nợ tạm tính đến ngày 04/5/2023 và lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2023 đến ngày 25/6/2023.

Trong trường hợp ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị L vi phạm một trong các kỳ trả nợ nêu trên thì phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại và ngân hàng TH có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật. Khi đó, ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng và 02 giấy nhận nợ đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 05/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp ông T và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TH thì Ngân hàng TH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 651 - 1, tờ bản đồ số 01, diện tích 73,3m^2 tại xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 768400, số vào sổ cấp GCN: CS-PT 02467, do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2016 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, Thành phố Hà Nội vào ngày 08/10/2021. Số công chứng 05763.2021/CCHH/HĐTC, quyển số 14 TP/CC-SCC/HĐGD.

2.4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục phải có trách nhiệm trả nợ cho đến khi thanh toán hết số nợ với Ngân hàng TH.

3. Về án phí: Do ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Minh Loan